

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

--- ❧ ---

ĐỖ VŨ HIỀN ANH

**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC MỸ VỚI VIỆC THỰC
HIỆN CHÍNH SÁCH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ -
GỢI Ý CHO VIỆT NAM**

Chuyên ngành: KTTG & QHKTQT

Mã số: 60.31.07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

**Người Hướng dẫn khoa học
T.S. NGUYỄN THỊ KIM CHI**

Hà Nội, 2009

MỞ ĐẦU

--- ❦ ---

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau hơn 230 năm độc lập (1776 thoát khỏi thống trị của đế quốc Anh ngày nay Mỹ trở thành siêu cường quốc số một. Về mặt kinh tế Mỹ ở hàng đầu về khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, về GDP đầu người (43.560USD/2005), có tiềm lực khoa học công nghệ đứng đầu trên hầu khắp các lĩnh vực quyết định của tăng trưởng, có năng suất lao động xã hội hàng đầu thế giới, có công và nông nghiệp phát triển trình độ cao, có ngành dịch vụ phát triển cao và chiếm địa vị dẫn đầu trên thị trường dịch vụ tiên tiến của thế giới (giá trị gia tăng trong GDP của công nghiệp là 22%, trong đó của công nghiệp chế biến là 14.2%, của nông nghiệp là 1.3% và của dịch vụ là 76.7%). Tiến bộ khoa học công nghệ là một trong những cơ sở quyết định nhất của những thành tựu vô song này. Các giới xã hội Mỹ kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đều thừa nhận rằng tiến bộ khoa học công nghệ là cơ sở tăng năng suất và có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao mức sống của người dân Mỹ. Theo đánh giá của các nhà kinh tế Mỹ “3/4 mức tăng năng suất, trên một nửa mức tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai phục thuộc vào sự đổi mới công nghệ và những thành tựu của khoa học”. Lĩnh vực khoa học kỹ thuật trở thành một đối tượng tác động cực kỳ quan trọng của nhà nước. Trong thực tế kể từ chiến tranh thế giới thứ hai và suốt thời kỳ sau chiến tranh nó đã được sự khuyến khích năng động và không ngừng tăng lên của nhà nước bằng nhiều hình thức và biện pháp khác nhau. Nhà nước thực sự đóng vai trò chủ yếu và quyết định sự phát triển của khoa học công nghệ của nước Mỹ, trong việc làm cho Mỹ đứng đầu thế giới trong lĩnh vực này. Hiện nay nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ là nhiệm vụ tạo ra, phổ biến và sử dụng những tri thức khoa học và công nghệ mới đã được đặt

vào số những ưu tiên nhà nước chủ yếu của Mỹ trong sự phát triển kinh tế xã hội và việc thực hiện các nhiệm vụ chiến lược khác. Việc thực hiện có kết quả nhiệm vụ này được xem là nhân tố chủ yếu đảm bảo triển vọng phần vinh của đất nước và vị thế đứng đầu của Mỹ trong đời sống kinh tế, xã hội, chính trị và an ninh trên quy mô quốc gia và toàn cầu. Ngân sách nhà nước là một lĩnh vực then chốt được nhà nước Mỹ sử dụng nhằm tạo ra và củng cố tiềm lực khoa học và công nghệ của Mỹ. Kinh nghiệm của Mỹ trong lĩnh vực vận dụng ngân sách để thực hiện chính sách khoa học công nghệ rất phong phú và được nhiều nước nghiên cứu và vận dụng.

Việt Nam đang thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm xây dựng xã hội công bằng dân chủ và văn minh. Công cuộc này đang triển khai cả về chiều rộng và chiều sâu. Theo dự kiến của Chính phủ Việt Nam cũng như dự báo của nhiều cơ quan quốc tế và nhiều chuyên gia trong và ngoài nước, chẳng bao lâu nữa Việt Nam sẽ đứng vào hàng các nước công nghiệp hóa có trình độ thu nhập bình quân đầu người thuộc nhóm trung bình (thấp) của thế giới. Sự phát triển tiếp theo của Việt Nam ngày càng phải chuyển dần từ chỗ dựa vào những nhân tố phát triển theo *chiều sâu ngày càng mở rộng hơn và trong tương lai* sẽ phải dựa vào sự phát triển theo chiều sâu là chủ yếu như những nước tiên tiến trên thế giới. Việc nghiên cứu kinh nghiệm phong phú của Mỹ trong việc vận dụng ngân sách nhà nước nhằm thúc đẩy sự phát triển khoa học công nghệ thông qua việc thực hiện chính sách khoa học công nghệ là một việc cần thiết và có ý nghĩa cả về mặt lý thuyết và thực tiễn đối với nước ta. Chính vì vậy, để bước đầu nghiên cứu kinh nghiệm Mỹ, tác giả lựa chọn đề tài luận văn thạc sỹ mang tên ***“Ngân sách nhà nước Mỹ với việc thực hiện chính sách khoa học công nghệ – gợi ý cho Việt Nam”***.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến nội dung của đề tài luận văn ở những mức độ khác nhau. Ở đây xin điểm qua một vài công trình tiêu biểu:

Công trình nghiên cứu của một tập thể tác giả do A. Dynkin và L.Nochevkina đứng đầu mang tên “Khoa học và chính sách khoa học của nhà nước: Lý luận và thực tiễn” (Science policy: theoretical and practical issues, Moskva, 1998) đã xem xét những vấn đề tác động của nhà nước đối với công tác nghiên cứu và triển khai ở các nước tư bản phát triển nhất, bao gồm các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, EU trên các mặt lý luận, phương pháp luận và thực tiễn. Công trình này có những nhận định bổ ích cho tác giả về mặt phương pháp luận tiếp cận đề tài luận văn. Đặc biệt những vấn đề xác định các ưu tiên trong chính sách phát triển khoa học công nghệ, lựa chọn các dự án nghiên cứu triển khai cần thiết, các phương thức cung cấp nguồn lực để thực hiện và kiểm định các kết quả nghiên cứu.

Đặc biệt công trình của Nhà Trắng mang tên “Khoa học cho thế kỷ 21 (Science for the 21st century, Washington, 2004) đã đề cập một cách toàn diện sự phát triển của khoa học công nghệ Mỹ trong quá trình lịch sử tiến vào thế kỷ 21. Công trình này đã giúp ích to lớn cho tác giả trong việc xem xét các nội dung cơ bản của luận văn trên các mặt vai trò của ngân sách nhà nước trong phát triển khoa học công nghệ qua các thời kỳ lịch sử, nhất là thời kỳ từ thập kỷ cuối thế kỷ 20 đến nay, cơ chế tài trợ cho khoa học công nghệ dưới các góc độ khác nhau, những vấn đề hiện nay của sự phát triển khoa học công nghệ Mỹ và chính sách của chính quyền Bush hiện nay.

Công trình nghiên cứu của tập thể tác giả do Nguyễn Thiết Sơn đứng đầu mang tên “Mỹ điều chỉnh chính sách kinh tế” (2003) đã đề cập đến bối cảnh điều chỉnh chính sách kinh tế trong những thập kỷ cuối của

thế kỷ 20 đến đầu thế kỷ 21 và các xu hướng điều chỉnh trong lĩnh vực tài chính tiền tệ, kinh tế đối ngoại, công nghiệp, nông nghiệp, giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ. Ở chương mang tên “Điều chỉnh chính sách khoa học công nghệ – cơ sở của tăng trưởng kinh tế”, các tác giả đã đề cập đến nhiều nội dung liên quan đến đề tài luận văn ở việc xem xét các nội dung điều chỉnh chính sách khoa học công nghệ của Mỹ trong các thời kỳ trước những năm 1990, dưới chính quyền Clinton và chính quyền Bush (con) nhưng những nội dung này chưa đi sâu xem xét khía cạnh khác nhau của sự vận dụng ngân sách nhà nước vào phát triển khoa học công nghệ của Mỹ như phương thức lựa chọn các ưu tiên khoa học công nghệ và việc hiện thực hóa các ưu tiên ấy trong phương hướng phát triển khoa học công nghệ qua các dự án cụ thể, cơ chế cấp phát nguồn tài chính dưới góc độ khác nhau trong thực tiễn Mỹ. Tuy nhiên công trình này rất bổ ích đối với tác giả luận văn trong việc nhận định, đánh giá một cách khái quát xu hướng và đặc trưng cơ bản của chính sách phát triển khoa học công nghệ của Mỹ qua hai thời kỳ lịch sử khác nhau – trước và sau chiến tranh lạnh qua các đời tổng thống Ronald Reagan và Bush (cha) nối tiếp theo là các đời tổng thống Bill Clinton và George Bush (con).

Ngoài ra còn rất nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí ở trong và ngoài nước đề cập một cách cập nhật về sự phát triển khoa học công nghệ của Mỹ mà trong đó có đề cập trực tiếp hay gián tiếp đến sự đóng góp của ngân sách nhà nước dưới những góc độ khác nhau. Xin nêu một số bài tiêu biểu sau: “Hoạt động của nhà nước và tiến bộ khoa học công nghệ – từ xã hội hậu công nghiệp đến xã hội kinh tế thông tin (ở Mỹ, 2001); “Hoạt động kinh tế nhà nước của nhà nước ở Mỹ đầu thế kỷ 20” của tác giả A.P. Paton; Các bài viết về điều chỉnh chính sách khoa học công nghệ của Mỹ đăng trên tạp chí “Châu Mỹ ngày nay” các số của năm 2001 và 2002.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu trên đều có các nội dung

liên quan trực tiếp hay gián tiếp với các nội dung của đề tài luận văn dự định ở những mức độ khác nhau chứ không tập trung xem xét riêng vấn đề ngân sách nhà nước và vai trò của nó trong sự nghiệp khoa học công nghệ phục vụ các mục tiêu kinh tế xã hội của Mỹ.

Ngoài ra trong danh mục các đề tài luận văn thạc sỹ và tiến sỹ ở trong nước chưa thấy có đề tài nào đề cập đến những nội dung tương tự như nội dung của luận văn mà tác giả lựa chọn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Nghiên cứu kinh nghiệm của Mỹ trong việc sử dụng ngân sách để thực hiện chính sách khoa học công nghệ như một nhân tố tạo nên một trong những cơ sở quyết định tiến bộ kinh tế xã hội và duy trì vị trí chi phối của Mỹ trong nền kinh tế thế giới. Trên cơ sở nghiên cứu này, luận văn nêu lên một số gợi ý đáng lưu tâm đối với Việt Nam trong việc vận dụng ngân sách nhà nước thực hiện chính sách phát triển khoa học công nghệ của đất nước ngày càng đáp ứng tốt hơn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày càng sâu rộng, xóa đói giảm nghèo và xây dựng xã hội dân chủ công bằng và văn minh.

3.2. Nhiệm vụ

Luận văn tập trung nghiên cứu vị trí của chi tiêu ngân sách cho phát triển khoa học công nghệ và việc nhà nước đã sử dụng ngân sách như thế nào để thực hiện chính sách khoa học công nghệ thông qua việc tài trợ cho nghiên cứu triển khai phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Mỹ. Trên cơ sở nghiên cứu này rút ra những kinh nghiệm đáng lưu ý cho Việt Nam trong lĩnh vực sử dụng ngân sách thực hiện chính sách khoa học công nghệ.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là chính sách khoa học công nghệ qua các thời kỳ lịch sử, việc vận dụng ngân sách của nhà nước trong việc thực hiện chính sách này, trước hết là vào việc nghiên cứu, triển khai và vận dụng thành tựu khoa học công nghệ vào đời sống kinh tế dưới góc độ kinh tế học nghĩa là không xem xét các khía cạnh phát triển khoa học công nghệ với tính cách là khoa học công nghệ, cũng không xem xét cả những vấn đề kỹ thuật kinh tế.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn chỉ giới hạn trong việc xem xét chính sách khoa học công nghệ và việc vận dụng ngân sách nhà nước vào phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động nghiên cứu, triển khai trong giai đoạn kể từ những năm 1990 đến nay. Chọn đầu những năm 1990 để làm mốc thời gian tập trung phân tích, nghiên cứu vì ở thời kỳ này, chính sách khoa học công nghệ và việc vận dụng chính sách nhà nước để phát triển khoa học công nghệ có những thay đổi trên nhiều mặt quan trọng (các thứ tự ưu tiên được sắp xếp lại, vai trò của các chủ thể trên lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ và triển khai có những thay đổi quan trọng...)

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử kết hợp với phương pháp hệ thống, phân tích và so sánh, đối chiếu các tài liệu khác nhau của cơ quan nhà nước chính thức Mỹ cũng như của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, kế thừa những điều phù hợp với nội dung luận văn trong những tài liệu này để có cơ sở xây dựng luận văn theo quan điểm của mình.

6. Đóng góp của luận văn

- Làm rõ ngân sách nước Mỹ với việc thực hiện chính sách khoa học công nghệ.
- Khái quát những bài học kinh nghiệm của Mỹ và những gợi ý xuất phát từ những kinh nghiệm của Mỹ cho Việt Nam trong việc sử dụng ngân sách phục vụ công tác nghiên cứu và triển khai (R&D) của Việt Nam.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, các thống kê bổ sung và danh mục tài liệu tham khảo chính, luận văn gồm những chương sau:

Chương 1: Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện chính sách khoa học công nghệ của Mỹ.

Chương 2: Ngân sách nhà nước Mỹ với việc thực hiện chính sách khoa học công nghệ.

Chương 3: Kinh nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ chính sách khoa học công nghệ của Mỹ và một số gợi ý cho Việt Nam.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHCN

--- ❦ ---

Nội dung chính của chương này được thể hiện ở 7 cụm chủ đề với 15 vấn đề như sau:

1.1. Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.

- Tính rủi ro của nghiên cứu triển khai.
- Phạm vi lĩnh vực triển khai của cuộc cách mạng khoa học công nghệ đại rộng lớn và đa dạng.
- Nhu cầu kết cấu hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu khoa học công nghệ phải có trình độ kỹ thuật công nghệ cao và ngày càng mới mẻ.

1.2. Những giới hạn của lực lượng thị trường.

- Những khác biệt giữa thị trường và phát triển khoa học. Chỉ bằng lực lượng thị trường không thể khuyến khích thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của khoa học, công nghệ hiện đại.
- Mặt trái của độc quyền.

1.3. Cạnh tranh quyết liệt trên thị trường trong nước và thế giới, những nhu cầu về an ninh quốc gia.

- Khoa học công nghệ đều được xem là cơ sở và động lực cho sự tiến bộ kinh tế và tiềm lực quốc gia.
- Cạnh tranh ở các cấp độ ngày càng trở nên quyết liệt.
- Những nhu cầu quốc phòng an ninh quốc gia.

1.4. Những yêu cầu của nền kinh tế rất hiện đại đã hình thành.

- Chuyển đổi mô hình phát triển.
- Phải có khoa học công nghệ tiên tiến mới đảm bảo vị trí có lợi trong cạnh tranh quốc tế.

1.5. Mỹ đã có cơ sở cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Sự phát triển của giáo dục và đào tạo .
- Chính sách nhập cư và phát triển khoa học công nghệ.

1.6. Tầm quan trọng của chính sách khoa học công nghệ.

- Nhận thức của xã hội và giới tinh hoa.
- Chức năng của chính sách khoa học công nghệ.

1.7. Kết luận của chương.

Qua 15 vấn đề phân tích, có thể thấy những nhân tố khách quan và chủ quan chủ yếu khiến Mỹ có thể và phải sử dụng ngân sách nhà nước tài trợ cho R&D là:

- Các lực lượng thị trường tự bản thân nó không đáp ứng được nhu cầu phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại;
- Nền kinh tế hiện đại Mỹ tự bản thân nó đòi hỏi sự phát triển đồng bộ của KHCN;
- Sự thiếu hụt nhiều loại tài nguyên thiên nhiên cần thiết;
- Toàn cầu hóa và những tác động của nó đến nền kinh tế;
- Những khả năng nội tại của Mỹ đảm bảo nhu cầu nhân lực chất lượng cao, khả năng thu hút chất xám từ nước ngoài;
- Tầm quan trọng của chính sách KHCN trong tổng thể các chính sách kinh tế vĩ mô của Mỹ;
- Những chức năng cơ bản của KHCN Mỹ.

CHƯƠNG 2: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VỚI VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỸ

--- ❦ ---

Chương này là sự tiếp tục logic của chương 1. Nó tập trung xem xét việc sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện chính sách khoa học công nghệ đã diễn ra như thế nào và những kinh nghiệm của Mỹ trong vấn đề này. Qua 7 mục và 20 vấn đề, chương 2 có 2 mảng nội dung chính:

Thứ nhất, đặc điểm và nhiệm vụ chủ yếu của chính sách KHCN Mỹ qua các thời kỳ lịch sử, đặc biệt là thời kỳ 2 thập niên cuối thế kỷ 20 qua các đời tổng thống Bush cha, Clinton và Bush con. Thời kỳ của Barack Obama không được đề cập thành một tiết riêng vì ông mới nhậm chức và chưa có cơ sở đáng kể để xem xét riêng chính sách KHCN của chính quyền ông.

Thứ hai, phân cơ chế xác định các hướng ưu tiên KHCN, sự lựa chọn các dự án, chương trình KHCN, các biện pháp thực hiện, cơ chế kiểm định các lựa chọn trong các khâu của chính sách KHCN và ngân sách chi cho R&D từ khởi điểm cho đến khi kết thúc. Dưới đây là những vấn đề chính:

2.1. Đặc điểm và nhiệm vụ chủ yếu của chính sách khoa học nghệ Mỹ

Các chính sách KHCN Mỹ không hoàn toàn giống nhau trong các giai đoạn lịch sử Mỹ do những điều kiện cụ thể ở trong nước và trên thế giới và người đứng đầu Nhà trắng song mục tiêu xuyên suốt vẫn là phục vụ tăng trưởng kinh tế, nâng cao mức sống người dân và góp phần đảm bảo an ninh quốc gia và vị thế đứng đầu của Mỹ trong nền kinh tế và chính trị thế giới.

- Luận văn chia làm 3 thời kỳ chính sách KHCN: Thời kỳ trước

1990, thời kỳ những năm 1990.

- Nội dung xem xét tập trung vào 2 thời kỳ: những năm 1990 (dưới chính quyền Clinton) và sau những năm 1990 (thời kỳ thập niên đầu thế kỷ 21, chủ yếu là dưới chính quyền Bush con).
- Dù có những sắc thái riêng ở mỗi thời kỳ, song qua phân tích luận văn đã nêu nhận định tổng quát 9 đặc điểm và nhiệm vụ xuyên suốt của chính sách KHCN Mỹ và những phương hướng chính sách ngân sách đi kèm sau đây bất kể tình huống nào:
 1. Chính sách đầu tư đặc biệt tập trung cho lĩnh vực khoa học công nghệ, giáo dục và bảo vệ môi trường.
 2. Thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ là xu hướng xuyên suốt qua các đời tổng thống, đặc biệt là những lĩnh vực mũi nhọn của khoa học công nghệ, tăng trưởng kinh tế, bảo vệ sức khỏe người dân và an ninh quốc phòng. Đây là nhân tố đảm bảo 70% mức tăng trưởng của nền kinh tế.
 3. Xác định công nghệ mũi nhọn mang tính đột phá và có tác dụng lan tỏa trên nhiều bình diện kinh tế, xã hội và an ninh để có chính sách phù hợp. Nổi bật trong những năm đầu thế kỷ 21 là công nghệ thông tin, công nghệ siêu nhỏ (công nghệ nano), công nghệ sinh học vận dụng vào y học và nông nghiệp, đặc biệt công nghệ lưỡng dụng như công nghệ nano và những công nghệ khác, công nghệ phục vụ quân sự (nhưng nhu cầu quân sự không chi phối tuyệt đối lĩnh vực này như thời kỳ chiến tranh lạnh).
 4. Khuyến khích các doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành truyền thống áp dụng công nghệ cao.
 5. Đổi mới quản lý kịp thời nhạy bén dựa trên sự ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, chấp nhận rủi ro, mạnh dạn đầu tư, đặc biệt đầu tư cho R&D. Sự chuyển giao thành tựu khoa học công nghệ từ khu vực nhà nước sang khu vực tư nhân đóng vai trò quan trọng.

6. Phát triển nguồn nhân lực, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực cho R&D và toàn bộ nền kinh tế.
7. Tạo nên quan hệ đối tác có hiệu quả giữa chính phủ, các trường đại học và doanh nghiệp. Đạo luật Bayh-Bole năm 1980 tạo nên khả năng cho các trường đại học nhận bằng sáng chế mới do trợ giúp tài chính của chính phủ và do vậy khuyến khích các trung tâm nghiên cứu của các trường Đại học chuyển giao kết quả R&D cho khu vực tư nhân.
8. Tạo môi trường pháp lý thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ: Luật sở hữu trí tuệ được quán triệt sâu sắc, hệ thống cấp patent hiệu quả.
9. Nhà nước nhìn chung luôn chú ý gắn sự phát triển, ưu tiên của các lĩnh vực KHCN bắt nguồn từ quy luật phát triển của khoa học với những mục tiêu ngắn hạn và nhất thời khác tương đối hài hòa.

2.2. Một vài nét khái quát về đặc điểm chính sách khoa học công nghệ trong ngân sách của chính phủ liên bang Mỹ

- Ngân sách chi chiếm 16–20% GDP (từ 1970 – 1980) trong đó chi cho công tác R&D là trên dưới 2,6%, năm 2008 là 2,6% GDP.
- Tỷ trọng nhà nước liên bang chi cho R&D trong tổng số chi của cả khu vực tư nhân ngày càng giảm và năm 2007 là 26,7% trong khi khu vực kinh doanh tư nhân ngày càng tăng tương ứng là 66,8% còn lại là của chính quyền bang và địa phương.
- Chi của nhà nước tập trung cho nghiên cứu khoa học cơ bản.

2.3. Cơ chế tài trợ ngân sách cho R&D

Luận văn đã xem xét cơ chế trên hai mặt: *Cơ chế lựa chọn ưu tiên và Cơ chế tài trợ.*

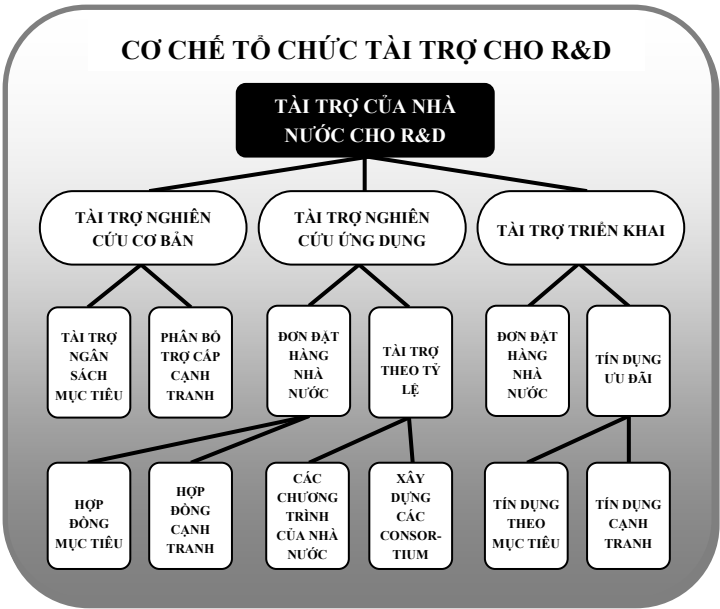
a) Cơ chế lựa chọn ưu tiên

- Các ưu tiên KHCN đề ra các phương hướng chung phát triển KHCN, của những dự án, chương trình cụ thể phải dựa trên các quá trình kinh tế, xã hội, chính trị, dân số, tự nhiên ở trong nước và quốc tế. Những ưu tiên thường được hình thành dưới dạng “sáng kiến” của chính phủ.
- Việc dự báo đánh giá do một mạng lưới các trung tâm khoa học thực hiện bao gồm các thiết chế chuyên môn của nhà nước, các tổ chức phi lợi nhuận độc lập, những công ty chuyên nghiệp, những công ty chuyên gia tư vấn, những ủy ban lâm thời v.v...
- Cơ chế xác định ưu tiên ngân sách cho phát triển khoa học công nghệ và thể hiện các ưu tiên nằm trong ngân sách: Những ưu tiên trong lĩnh vực R&D được phản ánh trong các ngân sách của chính phủ liên bang qua các quá trình xét duyệt ngân sách theo tài khóa hàng năm. Bộ máy hành pháp của tổng thống, những cơ quan, chính phủ khác nhau (cấp bộ và cơ quan hàn lâm cấp bộ), quốc hội và nhiều cơ quan làm R&D chính phủ cũng như cộng đồng khoa học (các hiệp hội khoa học) và cộng đồng kinh doanh tư nhân tham gia.
- Luận văn trình bày rất rõ cơ chế phức tạp này và các nội dung tham gia của họ vào cơ chế.

b) Về cơ chế tài trợ

Luận văn đã trình bày rõ 5 khu vực thực hiện R&D do Mỹ và ngân sách tài trợ cho những khu vực này như thế nào và tầm quan trọng của nó đối với sự phát triển của khoa học công nghệ qua công tác R&D

thông qua nhiều hình thức khác nhau: Tài trợ trực tiếp cho các cơ quan bộ và ngang bộ thực hiện R&D riêng bằng nguồn nhân lực riêng, tài trợ cho các dự án chương trình R&D dưới dạng trợ cấp, các hợp đồng, các thỏa thuận chung, áp dụng cơ chế đấu thầu kín và công khai, áp dụng chính sách – khấu hao nhanh vốn cố định cho R&D, ưu đãi thuế, cấp tín dụng thế, tạo điều kiện cho các kinh doanh nhỏ làm R&D – với những hình thức này chính phủ thông qua chi ngân sách thu hút, nhiều lực lượng khác nhau làm R&D từ các trường đại học, các trung tâm R&D công và tư khác nhau, các tổ chức phi chính phủ v.v..., kích hoạt linh hoạt các chức năng của các cơ quan chính quyền tại địa phương.



Hình: Cơ chế tổ chức tài trợ cho R&D

2.4. Đánh giá, thẩm định kết quả, sự lựa chọn ưu tiên và các chương trình, dự án

Thẩm định là 1 nhân tố nâng cao hiệu quả của chi cho R&D. Nó được tiến hành ở tất cả các giai đoạn triển khai thực hiện nhiệm vụ R&D.

Nó được định hình chuyên môn hóa trong tất cả các tổ chức làm R&D. Đồng thời có hàng ngàn công ty tư vấn chuyên nghiệp với 80 ngàn chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp tiến hành. Rất coi trọng thẩm định từ 2 phía – nội bộ và đặc biệt là bên ngoài. Mọi đánh giá đều được cân nhắc nhưng đánh giá thẩm định bên ngoài rất được đề cao và xem trọng trong thực tế hoạt động R&D. Luận văn làm rõ những vấn đề này qua phân tích mẫu hoạt động của Quỹ khoa học Quốc gia, Viện Sức khỏe Quốc gia là những cơ quan tiến hành R&D được ngân sách liên bang tài trợ lớn nhất, sau đó phân tích việc áp dụng các nguyên tắc của cơ quan nghiên cứu này vào hàng loạt Bộ khác nhau như thế nào, kể cả Bộ quốc phòng, Bộ năng lượng v.v...

2.5. Hoàn thiện không ngừng cơ chế hiện thực hoá chính sách khoa học công nghệ - cơ chế kinh tế đổi mới công nghệ

Vấn đề ở đây được xem xét dưới các góc độ: đổi mới quan điểm tài trợ theo chương trình; hoàn thiện mối quan hệ giữa các thành viên tham gia quá trình R&D, những hình thức huy động vốn thực hiện R&D; kích hoạt chính sách khấu hao vốn cố định; hệ thống hợp đồng liên bang.

2.6. Một số kết luận của chương hai

Chính sách khoa học công nghệ quốc gia được ngân sách liên bang tài trợ là một trong những nhân tố quan trọng nhất đưa Mỹ đến đỉnh cao phát triển hiện đại trên nhiều mặt: năng suất lao động Mỹ thuộc hàng cao nhất thế giới, vị thế cạnh tranh chi phối của Mỹ trong nền kinh tế thế giới, đời sống của người dân được duy trì ở mức cao hàng đầu thế giới, an ninh kinh tế và an ninh quốc gia, quốc phòng được đảm bảo vững chắc. Cơ chế chi ngân sách cho R&D rất đa dạng. Có nhiều kinh nghiệm của Mỹ trong lĩnh vực này đã được các nước tham khảo.

CHƯƠNG 3: KINH NGHIỆM SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC PHỤC VỤ CHÍNH SÁCH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỸ VÀ MỘT SỐ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

--- ❦ ---

3.1 Kinh nghiệm của Mỹ trong lĩnh vực sử dụng ngân sách để thực hiện chính sách khoa học công nghệ Mỹ.

Kinh nghiệm Mỹ trong lĩnh vực này được xem xét kỹ ở chương thứ hai, ở đây chỉ nêu một số tương đối tiêu biểu được nhiều nước chú ý tham khảo, hai mục được đề cập ở đây là:

3.1.1. Về mặt quan điểm

Dùng ngân sách để thực hiện chính sách khoa học công nghệ trên nguyên tắc của kinh tế thị trường hiện đại. Chính sách KHCN và chính sách ngân sách đều được coi là công cụ điều tiết kinh tế hỗ trợ hoạt động R&D chứ không ngăn chặn cạnh tranh trong lĩnh vực này, huy động mọi thành phần làm R&D hàn lâm và các thành phần tư nhân như: các tổ chức làm R&D phi lợi nhuận, các công ty v.v....

3.1.2. Về mặt thực tiễn chính sách

Lược văn nêu 7 điểm kinh nghiệm vĩ mô:

1. Đây là hoạt động phức tạp, phải chú ý cả quy luật phát triển của khoa học và công nghệ cả nhu cầu chính trị khác.
2. Thu hút đồng đảo các nhà khoa học trình độ cao ở các cơ quan công và tư tham gia, các cơ quan cấp Bộ và các tổ chức làm R&D khác, các đại học.
3. Thẩm định các khâu của chính sách R&D: từ lựa chọn phương hướng hoạt động R&D cho đến đánh giá kết quả của nó cần được kiểm định khách quan trong nội bộ và bên ngoài độc lập

4. Công khai dân chủ và tự do sáng tạo được tôn trọng ở các khâu của chính sách KHCN và chi ngân sách.
5. Quá trình ngân sách theo tài khóa không đơn thuần là quá trình xem xét thu chi ngân sách mà còn là quá trình rà soát, xác định lại các ưu tiên, biện pháp... đã thực thi có phù hợp hay không để điều chỉnh.
6. Chính sách KHCN và chi ngân sách liên bang cho R&D được vận dụng kết hợp với cả những công cụ, chính sách điều tiết kinh tế khác.
7. Cơ chế tài trợ phải linh hoạt.
8. Thiết lập và không ngừng hoàn thiện hệ thống đổi mới quốc gia.

3.2. Một số gợi ý cho VN xuất phát từ kinh nghiệm Mỹ

3.2.1 Thực trạng tài trợ cho R&D của VN để thực hiện chính sách khoa học công nghệ

Luận văn điếm qua 3 thời kỳ, chú trọng thời kỳ kể từ khi thực hiện chính sách đổi mới – Nêu ra chỗ được và chưa được trong việc tài trợ cho R&D của VN về mặt luật pháp, cơ chế cấp phát, quản lý, đánh giá kết quả...

3.2.2. Một vài gợi ý cho Việt Nam xuất phát từ kinh nghiệm Mỹ về việc sử dụng ngân sách thực hiện chính sách KHCN

Những gợi ý không đi vào mặt kỹ thuật, chủ yếu những quan điểm vĩ mô:

1. Tổ chức tốt quá trình hoạch định chính sách KHCN và chi ngân sách cho R&D.
2. Có nghiên cứu dự báo các mặt của đời sống đất nước để đưa ra những lựa chọn phương hướng chính sách khoa học công nghệ và ngân sách nhà nước đi kèm.
3. Coi chính sách khoa học công nghệ là một công cụ điều tiết

không chỉ của hoạt động khoa học mà của cả nền kinh tế.

4. Kiểm tra, đôn đốc, kiểm định cần làm nghiêm túc, đặc biệt coi trọng kiểm định bên ngoài, không làm chiếu lệ.
5. Xem quá trình ngân sách không đơn thuần chỉ làm sự cấp phát, tài trợ mà là 1 quá trình định hướng cho KHCN.

KẾT LUẬN



Theo chủ đề của luận văn, tác giả đã tập trung làm rõ bước đầu mối quan hệ tương tác giữa chính sách KHCN và chính sách ngân sách chi cho R&D của Mỹ. Qua các thời kỳ lịch sử của các đời tổng thống cũng như của nền kinh tế Mỹ, chính sách KHCN có những điều chỉnh thích hợp với điều kiện cụ thể của từng thời kỳ và chính sách ngân sách chi cho R&D cũng được điều chỉnh tương ứng. Nhưng những sự điều chỉnh này bao giờ cũng lấy mục tiêu, vì mục tiêu nâng cao năng suất lao động, sự phồn vinh kinh tế, nâng cao phúc lợi của người dân, củng cố địa vị cạnh tranh có lợi của nền kinh tế Mỹ trên thế giới, đảm bảo an ninh quốc phòng của Mỹ. Những hướng nghiên cứu KHCN thường xuyên là trọng điểm tập trung của nhà nước và ngân sách chi cho nó qua các thời kỳ dù có điều chỉnh, nghiên cứu cơ bản vẫn là hướng tài trợ chủ đạo của nhà nước. Chính sách KHCN và chính sách ngân sách tài trợ cho R&D khuyến khích tham gia hoạt động KHCN không chỉ giới hạn lâm (các trường đại học, các cơ quan hàn lâm của nhà nước và các tổ chức phi lợi nhuận) mà còn cả các công ty lớn và nhỏ. Các công cụ điều tiết kinh tế, luật pháp đều được vận dụng vào thực hiện chính sách KHCN, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tài liệu và vật tư kỹ thuật cho hoạt động KHCN (xây dựng thị trường vốn rủi ro, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng và triển khai hợp tác giữa các cơ quan làm khoa học công và tư, kể cả với nước ngoài, hoạt động giáo dục trình độ cao...)

Nhờ chính sách KHCN đã được lựa chọn khôn ngoan và thực thi nghiêm túc kết hợp chặt chẽ với các chính sách kinh tế khác (vĩ mô và vi mô), Mỹ đã vượt qua được các thử thách lịch sử tương đối thành công (vượt qua Chiến tranh lạnh, khắc phục các cuộc khủng hoảng, giảm thiểu những khó khăn trở ngại kinh tế xã hội, khắc phục được các vị thế cạnh tranh bị suy yếu) và vượt lên trước các đối thủ cạnh tranh khác và

giữ vững được vai trò quan trọng hàng đầu thế giới về khoa học kỹ thuật, kinh tế quốc phòng. Vì vậy, những kinh nghiệm của Mỹ về chính sách KHCN và chính sách ngân sách tài trợ cho R&D đã được nhiều nước nghiên cứu vận dụng. Luận văn này chỉ là sự tìm hiểu bước đầu mà thôi. Những ý kiến gợi ý cho Việt Nam cũng chỉ là sự phác thảo sơ sài mà nếu có điều kiện cần phải cân nhắc thêm.